

VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VÀ THỦ TỤC TỔ TỤNG TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT - MỸ

Luật gia NGÔ NGỌC BỬU & Luật sư TS. NGUYỄN ĐĂNG LIÊM

Đại diện của Việt Nam và Mỹ đã tiến hành đàm phán kéo dài 5 năm mới đi đến ký kết Hiệp định thương mại (HBTM) Việt - Mỹ; "vì đây là một cuộc đàm phán rất khó. HBTM là một trong những văn bản quan trọng thiết kế mối quan hệ làm ăn lâu dài giữa hai nước, cả VN và Mỹ đều phải tính đến những lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của mình, đều phải cân nhắc kỹ. Khó là chúng ta không thể sử dụng được kinh nghiệm đàm phán các HBTM với các nước khác trước đây, vì các HBTM đã ký đó không được "va chạm" khung pháp lý hiện hành của ta. Đây là lần đầu tiên ta tiến hành một cuộc đàm phán HBTM dựa trên nguyên tắc WTO. Ta chấp nhận luật chơi chung, nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc của ta như tôn trọng độc lập chủ quyền, lợi ích dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ và giữ vững định hướng XHCN. Không phải dễ dàng tìm ra tiếng nói chung từ các nguyên tắc khác nhau như vậy.

Nguyên tắc WTO mà Mỹ mong muốn có những yêu cầu cao, những lộ trình mở cửa sớm. Ta đưa thêm vào yêu cầu (và cuối cùng phía Mỹ phải chấp nhận) là nguyên tắc WTO đó áp dụng cho nước có nền kinh tế chuyển đổi, đang phát triển, có trình độ thấp. Hiệp định phải bảo đảm được những nguyên tắc, yêu cầu trên thì ta mới ký được". (*)

Như vậy, chúng ta thấy được tầm quan trọng của nội dung pháp lý nói chung và pháp luật về thương mại nói riêng, song song với yếu tố kinh tế - chính trị mà hai bên đã đạt tới trong hiệp định này.

Phần mở đầu của hiệp định đã nêu ra các tiền đề về công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế song song với việc khuyến khích sử dụng trọng tài (Arbitration) để giải quyết những tranh chấp thương mại. Nổi bật là mỗi bên đều có quyền đòi bồi thường đối với những vi phạm sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ bằng các thủ tục tố tụng dân sự và hành chính (Civil and administrative procedures) trước tòa án. Do sự đa dạng và chuyên sâu về pháp luật của HBTM, nên tác giả chỉ giới hạn phạm vi phân tích trên một hành lang pháp lý đặc thù và có tính liên kết nhiều

chương của HBTM, đó là thủ tục trọng tài phân xử tranh chấp thương mại và thủ tục tố tụng dân sự, hành chính về thương mại, trước tổ chức tư pháp của mỗi bên kết ước.

1. Khuyến khích sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp thương mại

1.1. Đây là một thể chế tương đối thuận lợi, dễ dàng cho nhà đầu tư VN khi tiếp cận các nhà kinh doanh Mỹ với hệ thống pháp luật vốn phức tạp và đa dạng của họ, khi có tranh chấp xảy ra giữa các chủ thể thương mại, các thương nhân hai bên kết ước. Thủ tục trọng tài phân xử tương đối dễ dàng, thuận lợi và tương đối đơn giản hơn so với thủ tục khiếu kiện, xét xử trước tòa án quốc tế hay quốc nội. Trọng tài thường căn cứ vào nội dung hai bên đối tác đã ký kết với nhau, cam kết thực hiện được cụ thể hóa trong hợp đồng thương mại, để phân xử khi có tranh chấp xảy ra; không áp dụng luật pháp chặt chẽ như thủ tục tranh tụng trước tòa án, và có thể vận dụng thông lệ trọng tài quốc tế và các thông lệ, tập quán thương mại quốc tế khác theo ý chí các bên, hoặc áp dụng án lệ thương mại (Jurisprudence commerciale) để xét xử các tranh chấp thương mại. "Việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài như vậy có thể được qui định bằng các thỏa thuận trong hợp đồng giữa các công dân và công ty đó hoặc bằng văn bản thỏa thuận riêng giữa họ" (điều 7, chương I).

1.2. Các bên kết ước có thể đồng ý với nhau để giải quyết tranh chấp thương mại từ trọng tài của một nước thứ ba, không phải là Việt Nam hay Mỹ, và qui định việc giải quyết tranh chấp bằng bất cứ một quy tắc trọng tài nào đã được quốc tế công nhận, như qui tắc của UNCITRAL ngày 15.12.1976 và mọi sửa đổi của các quy tắc này. (điều 7, khoản 3, chương III). Và, có một điều kiện bắt buộc tiếp theo là: "Mỗi bên đảm bảo tại lãnh thổ của mình có một cơ chế hiệu quả để công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài" (khoản 6). Cũng lưu ý nước thứ ba này phải là thành viên tham gia Công ước Newyork ngày 10.6.1958 về công nhận và thi hành các phán quyết trọng tài nước ngoài. Các qui định này vừa thể hiện tính tự nguyện, đồng thuận giữa hai bên thương nhân đối tác của hai

nước, đồng thời cũng đảm bảo khả năng "thi hành án" hiệu quả đối với các quyết định của trọng tài thương mại quốc tế, tạo sự yên tâm trong việc mở rộng hợp tác và quan hệ thương mại cho thương nhân của cả hai quốc gia.

1.3. Thực tiễn hiện nay tại nước ta là chế định trọng tài kinh tế đã bãi bỏ để thiết lập tòa kinh tế trong hệ thống tòa án nhân dân từ năm 1994. Một vấn đề có tính lý luận là khái niệm kinh tế có nội dung rộng hơn khái niệm thương mại; hay nói khác, hoạt động thương mại là một nguyên tố, một lĩnh vực quan trọng của tổng thể hoạt động kinh tế. Câu hỏi đặt ra là mô hình tòa kinh tế hiện nay có phù hợp với tòa án thương mại của các nước mà nước ta đã và đang tham gia kết ước hay không, để có thể hội nhập với cộng đồng quốc tế nhằm thực thi các hiệp định song thương hoặc đa phương (WTO)? Việc bổ sung thêm chức năng thương mại vào thẩm quyền tòa kinh tế cũng không gặp khó khăn gì, vì tại nước ta hiện nay đã có tổ chức trọng tài quốc tế đặt bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp VN tại Hà Nội. Nhưng, vẫn có điểm dị biệt về tổ chức, thể chế và cách tiếp cận quốc tế trong vấn đề này. Mong rằng quy luật khách quan và động lực hội nhập tích cực sẽ định hướng và sớm thúc đẩy nỗ lực trong việc nghiên cứu, bổ sung thủ tục trọng tài ngày một nâng cao đủ chất và đủ lượng, từng bước hoàn chỉnh để hội nhập vào các tổ chức quốc tế.

2. Các qui định thủ tục và chế tài về tố tụng dân sự trong thương mại

2.1. Tố tụng dân sự: Thủ tục tố tụng dân sự được nêu lên rõ nét trong HBTM Việt-Mỹ để thực thi các quyền sở hữu trí tuệ theo quan điểm mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật pháp, điều này hoàn toàn khác với quan điểm về tố tụng hành chính trong thương mại. Mỗi bên dành cho người có quyền được tham gia thủ tục tố tụng dân sự để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể là: (1) Bị đơn có quyền được thông báo bằng văn bản kịp thời và đầy đủ các chi tiết, kể cả nền tảng của các khiếu kiện; (2) Các bên tham gia vụ kiện được quyền có người đại diện thông qua luật sư độc lập; (3) Các thủ tục thực hiện quyền lợi dân sự không bắt buộc đương sự phải

có mặt; (4) Tất cả các bên tham gia vụ kiện được quyền chứng minh yêu cầu của mình và đưa ra chứng cứ liên quan; và (5) Các thủ tục bao gồm các biện pháp bảo vệ bí mật thông tin. Những qui định thẩm quyền tham gia tố tụng của các bên nêu trên là không khác biệt gì mấy so với thủ tục tố tụng hiện hành tại VN, vì những nguyên tắc về tố tụng dân sự, ngày nay đã được quốc tế hóa một cách khá toàn diện. Nhưng vẫn có những điểm khác nhau về thẩm quyền và hoạt động của các cơ quan tư pháp như thủ tục điều tra, thụ lý và xét xử trong quá trình thể hiện sự công minh, không áp đặt trước khi hoàn thành phán quyết của tòa án và việc thi hành có hiệu quả kịp thời nội dung bản án này.

2.2. Chế tài bồi thường:

- Mỗi bên phải cho phép cơ quan tư pháp của mình buộc người xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trả cho người có quyền sở hữu trí tuệ một khoản bồi thường thỏa đáng để đền bù phần thiệt hại mà người có quyền đã phải chịu hậu quả do việc xâm phạm này gây ra.

- Buộc người xâm phạm sở hữu trí tuệ trả các chi phí cho người có quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm, gồm cả các chi phí hợp lý thuê luật sư.

- Buộc một bên tham gia vụ kiện đã lạm dụng những thủ tục thực thi phải bồi thường thỏa đáng cho bất kỳ bên nào đã bị cưỡng chế hoặc bị ngăn cản một cách sai trái, những thiệt hại mà một bên đã phải chịu do bên kia lạm dụng gây ra và phải trả các chi phí của bên thiệt hại đó, trong đó có cả chi phí thuê luật sư. (**)

2.3. Điều khoản đặc biệt đối với sở hữu trí tuệ: Đó là điều 301 Luật năm 1988 của Mỹ qui định đặc biệt, thêm quyền cho tổng thống giải quyết đối với các quốc gia khác từ chối qui định các chế tài tương xứng đối với các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là vi phạm quyền tác giả và làm hàng giả. Qui định này phản ánh các công ty Mỹ đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của họ ở nước ngoài, đặc biệt là vấn đề sao chép bất hợp pháp hoặc làm giả các phần mềm máy vi tính, audio và băng video, đĩa compact, giày thể thao, quần áo và những y phục khác. Điều luật này cũng qui định các "Quốc gia có ưu tiên" trong danh sách "Ưu tiên theo dõi" và "Danh sách theo dõi"; qui định việc thương lượng với các quốc gia ưu tiên nhằm mục đích loại bỏ sự lạm dụng. Đến nay, Mỹ đã kết thúc thương lượng về tăng cường bảo vệ sở hữu trí tuệ với Hàn Quốc, Đài Loan, Brazil, Ấn Độ, Mexico và Trung Quốc, cùng các nước khác. Một trường hợp cụ thể là Trung Quốc đã từng bị đòi ra trước tòa án về sự thất bại trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí

tue, đặc biệt là phim nhựa và đĩa compact. Mỹ đe dọa trả đũa bằng việc áp dụng 1% thuế trên số hàng nhập khẩu của Trung Quốc vào Mỹ trên một tỷ đôla nếu Trung Quốc không đồng ý đẩy mạnh việc thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Mỹ. Trung Quốc đã tránh được thiệt hại này bằng cách đạt được một thỏa thuận để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ như vậy. Kể từ khi Hiệp định tổ chức thương mại thế giới và thương mại liên quan đến các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) có hiệu lực, thì đây là một thỏa thuận đặc biệt chỉ liên quan đến các thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) mà thôi, còn đối với các quốc gia không phải là thành viên WTO như Việt Nam chẳng hạn, có thể yên tâm với việc khiếu kiện vi phạm điều khoản đặc biệt 301 của Luật năm 1988 của Mỹ. (***)

3. Quyền khiếu kiện các quyết định hành chính trong thương mại

Những quyết định hành chính trong thương mại thường xuất phát từ cơ quan của chính phủ trong khuôn khổ luật pháp quốc gia, nên "... Mỗi bên đảm bảo rằng tất cả các biện pháp áp dụng chung có ảnh hưởng đến thương mại, dịch vụ, được quản lý một cách hợp lý, khách quan và vô tư. Ngay khi thực tiễn cho phép, mỗi bên duy trì hay thiết lập các cơ quan tài phán hay thủ tục tư pháp, hành chính để bảo đảm nhanh chóng xem xét lại các quyết định hành chính ảnh hưởng đến thương mại, dịch vụ theo đề nghị của người cung cấp dịch vụ bị ảnh hưởng. Vì trong trường hợp chính đáng, cần có các biện pháp khắc phục thích hợp. Trong trường hợp các thủ tục đó không độc lập với cơ quan đã đưa ra các quyết định hành chính có liên quan, bên này đảm bảo trên thực tế rằng các thủ tục đó cho phép xem xét lại một cách vô tư và khách quan. (Điều 4, chương III)

Về phía đối tác Mỹ, thủ tục tố tụng hành chính của họ có tính rộng rãi, nghĩa là tất cả các quyết định hành chính của nhà cầm quyền đều có thể bị khởi kiện trước tòa án, nếu quyết định ấy gây thiệt hại đến quyền lợi của cá nhân hay pháp nhân, dù gián tiếp hay trực tiếp. Nguyên tắc này cũng giống như nguyên tắc của hệ thống tòa án hành chính của nước Pháp và các nước châu Âu. Vì thế, nên "Các quyết định của cơ quan hành chính: Bộ thương mại, Ủy ban thương mại quốc tế Mỹ và Cơ quan thuế Mỹ, đều có thể khiếu kiện lên Tòa án thương mại quốc tế. Luật về các Hiệp định thương mại năm 1979 ở Mỹ lần đầu tiên đã cung cấp cho cơ quan tài phán xem xét một lượng lớn các quyết định hành chính liên quan đến việc chống bán phá giá (dumping) và trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cùng các vấn đề khác. Luật tòa án về thuế năm 1980 đã thừa nhận tòa án

mới về thương mại quốc tế (CIT) với một loạt các quyền lực đầy đủ về pháp lý, dựa theo nguyên tắc phán xử công bằng và thẩm quyền tài phán riêng biệt đối với các vấn đề thương mại, bao gồm cả nhiều vấn đề về thuế và các vấn đề thương mại không công bằng (Điều 1581, tổng tập Luật lệ Mỹ)". (***) Ví dụ cụ thể tại Mỹ theo các Luật chống bán phá giá và trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Tòa án thương mại quốc tế có thể xem xét lại bất kỳ quyết định hành chính cuối cùng nào của Bộ thương mại, tính toán số tiền đền bù bất cứ giới hạn của các vụ bán phá giá hoặc của việc bảo trợ. Ủy ban thương mại quốc tế chịu trách nhiệm về việc xác định có hay không có thiệt hại vật chất của ngành kinh doanh Mỹ, đe dọa gây ra thiệt hại vật chất hoặc làm chậm đáng kể trong việc thành lập ngành kinh doanh đó. Phần lớn các vụ khiếu kiện trước Tòa án thương mại quốc tế thì bị đơn thường là Bộ thương mại, Ủy ban thương mại quốc tế hoặc cơ quan thuế bị kiện trong các vụ xét xử vì lợi ích của các bên chống lại các quyết định hành chính bất lợi cho họ. (David A. Gantz).

Nhìn lại thủ tục tố tụng hành chính tại nước ta hiện nay, thấy được khoảng cách rất xa so với thủ tục tố tụng hành chính của Mỹ nói riêng và so với các thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) nói chung. Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính, sửa đổi bổ sung năm 1998, chỉ có qui định 9 hành vi hành chính hay quyết định hành chính có thể được khởi kiện trước tòa án hành chính thuộc tòa án nhân dân tỉnh, thành phố mà thôi; cũng không có qui định về quyền khiếu kiện các quyết định hành chính về thương mại, thuế quan và đầu tư nước ngoài, trực tiếp gây thiệt hại cho chủ thể có liên quan.

Trong lãnh vực pháp lý về trọng tài, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính về thương mại của nước ta hiện nay tất yếu là sẽ có sửa đổi, bổ sung và thiết lập để có thể đẩy nhanh tiến trình hội nhập, thực thi các hiệp định song phương như hiệp định thương mại Việt - Mỹ, hay đa phương như WTO mà chúng ta đang nỗ lực hướng tới trong tương lai. Chúng ta cũng có một thời hạn là ba năm để chuẩn bị, sửa đổi một số nội dung pháp luật, nhất là về hành chính và tố tụng hành chính, để thực hiện HĐTM Việt Mỹ khi được cả hai Quốc hội Việt Nam và Mỹ chuẩn y ■
Tư liệu tham khảo:

(*) Nguyễn Đình Lương, *Người đàm phán Hiệp định thương mại kể chuyện*. Báo Lao động số xuân 2001, Hà Nội, trang 12.

(**) Hiệp định giữa CHXHCN Việt Nam và Mỹ về quan hệ thương mại. Tài liệu sử dụng nội bộ, (bản tiếng Việt), Bộ thương mại, Hà Nội 2000.

(***) *Tăng cường năng lực Pháp luật ở VN - giai đoạn II*, Tư liệu dự án hợp tác VIE/98/001, giữa Chính phủ VN và UNDP.